

BIỂU GIAO CHỈ TIÊU, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG MN, TH, THCS TRỰC THUỘC UBND HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND huyện Mường Khương)

TT	Đơn vị	Hạng	Số lớp	Biên chế SNGD năm 2024															Ghi chú
				Chi tiêu biên chế			Tổng số CBQL+G V	Cơ cấu viên chức											
								Nhân viên											
				Tổng số	Chia ra			CB QL	Giáo viên giảng dạy	Tổng Phụ trách đội	Tổng số NV (KO tính HD 161)	Biên chế						Số người làm việc theo Nghị định 111	
					Số lượng người làm việc (Biên chế)	Số người làm việc theo Nghị định 111						Thiết bị, CNT T	Thư viện	Văn thư, thủ quỹ	Kế toán	Y tế	TV, BV trước năm 1993		
I	Mầm non		253	552	540	12	524	50	474	0	16	0	0	12	1	1	2	12	
1	MN Na Lốc	I	11	26	25	1	25	3	22		0							1	
2	MN Bán Lầu	I	14	31	30	1	29	3	26		1			1				1	
3	MN Bán Sen	I	12	25	25	0	24	3	21		1			1					
4	MN Lùng Vai	I	13	29	28	1	27	3	24		1			1				1	
5	MN Chợ Chậu	I	7	15	15	0	15	2	13		0								
6	MN Thanh Bình	I	13	29	28	1	28	3	25		0							1	
7	MN Nậm Chảy	I	13	29	29	0	27	3	24		2			1			1		
8	MN số 1-TTr MK	I	19	41	40	1	38	3	35		2				1	1		1	
9	MN số 2-TTr MK	I	12	27	27	0	25	3	22		2			1			1		
10	MN T. Chung Phố	I	11	25	24	1	23	2	21		1			1				1	
11	MN Tả Ngải Chồ	I	15	32	31	1	30	2	28		1			1				1	
12	MN Pha Long	I	14	29	29	0	28	2	26		1			1					
13	MN Dìn Chín	I	9	20	20	0	19	2	17		1			1					
14	MN Lò Sừ Thàng	I	9	19	19	0	19	2	17		0								
15	MN Tả Gia Khâu	I	11	25	24	1	23	2	21		1			1				1	
16	MN Nậm Lư	I	15	32	31	1	30	3	27		1			1				1	
17	MN L.Khẩu Nhìn	I	12	27	26	1	25	2	23		1			1				1	
18	MN Cao Sơn	I	15	33	32	1	32	2	30		0							1	
19	MN La Pan Tẩn	I	15	33	32	1	32	3	29		0							1	
20	MN Tả Thàng	I	13	25	25	0	25	2	23		0								
II	Tiểu học		330	600	590	10	551	44	491	16	39	0	5	14	10	8	2	10	
1	TH Na Lốc	II	15	27	27	0	26	2	23	1	1			1					
2	TH Bán Lầu	II	18	33	32	1	30	2	27	1	2			1	1			1	
3	TH Bán Sen	II	18	33	32	1	30	2	27	1	2		1	1				1	
4	TH Lùng Vai	I	19	35	34	1	32	3	28	1	2			1	1			1	
5	PTDTBTTH Thanh Bình	I	21	37	37	0	35	3	31	1	2			1		1			

6	PTDTBTTH Nậm Chảy	I	22	40	40	0	37	3	33	1	3		1	1	1			
7	TH số 1 TTr Mường Khương	I	34	59	59	0	55	3	51	1	4		1	1	1		1	
8	TH số 2 TTr Mường Khương	II	11	21	21	0	19	2	16	1	2			1			1	
9	TH Tả Ngải Chồ	I	24	44	43	1	39	3	35	1	4		1	1	1	1		1
10	TH Pha Long	I	25	45	44	1	41	3	37	1	3		1	1		1		1
11	PTDTBTTH Tả Gia Khâu	I	15	30	29	1	26	3	22	1	3			1	1	1		1
12	PTDTBTTH Nậm Lư	I	22	40	40	0	37	3	33	1	3			1	1	1		
13	PTDTBT TH Lũng Khẩu Nhìn	I	21	37	36	1	35	3	31	1	1			1				1
14	PTDTBTTH Cao Sơn	I	22	41	40	1	37	3	33	1	3			1	1	1		1
15	PTDTBTTH La Pan Tẩn	I	24	43	42	1	40	3	36	1	2				1	1		1
16	PTDTBTTH Tả Thàng	I	19	35	34	1	32	3	28	1	2				1	1		1
III	Trung học cơ sở		139	364	355	9	313	40	258	15	42	5	5	10	12	8	2	9
1	THCS Na Lốc	III	8	18	18	0	18	2	15	1	0							
2	THCS Bản Lầu	II	10	24	23	1	21	2	18	1	2			1	1			1
3	THCS Bản Sen	III	8	20	19	1	17	2	14	1	2	1			1			1
4	THCS Lũng Vai	III	8	21	20	1	17	2	14	1	3		1	1	1			1
5	PTDTBT THCS Thanh Bình	I	8	23	22	1	19	3	15	1	3	1		1	1			1
6	PTDTBT THCS Nậm Chảy	I	8	24	24	0	20	3	16	1	4		1	1	1	1		
7	THCS TT Mường Khương	I	20	45	44	1	40	3	36	1	4		1	1	1	1		1
8	THCS Tả Ngải Chồ	III	8	21	21	0	18	2	15	1	3	1		1			1	
9	PTDTBT THCS Pha Long	I	12	32	30	2	26	3	22	1	4		1	1	1	1		2
10	PTDTBTTHCS Tả Gia Khâu	I	7	23	23	0	18	3	14	1	5	1		1	1	1	1	
11	PTDT BTTHCS Nậm Lư	I	8	21	21	0	19	3	15	1	2			1	1			
12	PTDTBT THCS L.Khẩu Nhìn	I	8	23	22	1	19	3	15	1	3	1		1		1		1
13	PTDTBT THCS Cao Sơn	I	9	24	23	1	21	3	17	1	2				1	1		1
14	PTDTBT THCS La Pan Tẩn	I	9	24	24	0	21	3	17	1	3		1		1	1		
15	PTDTBT THCS Tả Thàng	I	8	21	21	0	19	3	15	1	2				1	1		
IV	Trường liên cấp		74	147	146	1	136	12	120	4	10	0	2	4	1	3	0	1
	Cấp học THCS		24	72	71	1	61	12	45	4	10	0	2	4	1	3	0	1
	Cấp học TH		50	75	75	0	75	0	75	0	0	0	0	0	0	0	0	0

1	TH&THCS Chợ Chậu	II	15	30	30	0	28	3	24	1	2	0	0	1	0	1	0	0	
	Cấp học THCS		5	15	15	0	13	3	9	1	2			1		1		0	
	Cấp học TH		10	15	15	0	15	0	15	0	0			0		0			
2	TH&THCS Tung Chung Phố	II	19	37	37	0	34	3	30	1	3	0	1	1	1	0	0	0	
	Cấp học THCS		6	18	18	0	15	3	11	1	3		1	1	1			0	
	Cấp học TH		13	19	19	0	19	0	19		0		0		0			0	
3	PTDTBT TH&THCS Dìn Chín	I	22	44	43	1	40	3	36	1	3	0	1	1	0	1	0	1	
	Cấp học THCS		7	21	20	1	17	3	13	1	3		1	1		1		1	
	Cấp học TH		15	23	23	0	23	0	23		0			0		0			
4	PTDTBT TH&THCS Lò Sũ Thành	I	18	36	36	0	34	3	30	1	2	0	0	1	0	1	0	0	
	Cấp học THCS		6	18	18	0	16	3	12	1	2			1		1			
	Cấp học TH		12	18	18	0	18	0	18		0					0			
CỘNG I+II+III+IV				796	1.663	1.631	32	1.524	146	1.343	35	107	5	12	40	24	20	6	32
1	Cấp mầm non		253	552	540	12	524	50	474	0	16	0	0	12	1	1	2	12	
2	Cấp học TH		380	675	665	10	626	44	566	16	39	0	5	14	10	8	2	10	
3	Cấp học THCS		163	436	426	10	374	52	303	19	52	5	7	14	13	11	2	10	